

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2020
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh

Ban Kiểm soát xin báo cáo về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần và Thương mại Việt Khánh với những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên

- Ông Đỗ Việt Phường : Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Xuân Hằng : Thành viên
- Ông Trần Ngọc Quang : Thành viên

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ kinh doanh.

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định, Nội quy, Quy chế của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong công tác điều hành, quản lý để có ý kiến đóng góp kịp thời.

- Đi giám sát thực tế tại Công ty, các thành viên của Ban kiểm soát trao đổi thông tin với nhau khi cần thiết, đánh giá hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty nhằm đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2019.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2019

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

1.1. Bảng cân đối kế toán

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm 2019	Số đầu năm 2019	Chênh lệch	
					+/-	%
I	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	75.754	28.465	47.289	166
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đ	4.648	7.154	-2.506	-35
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đ	50.700	3.400	47.300	1.391
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr.đ	7.386	5.392	1.994	37
4	Hàng tồn kho	Tr.đ	4.181	1.044	3.137	300
5	Tài sản ngắn hạn khác	Tr.đ	8.839	11.475	-2.636	-23
II	Tài sản dài hạn	Tr.đ	196.357	230.057	-33.700	-15
1	Các khoản phải thu dài hạn	Tr.đ	1.070	4.170	-3.100	-74
2	Tài sản cố định	Tr.đ	64.281	50.268	14.013	28
3	Bất động sản đầu tư	Tr.đ	60.955	66.635	-5.680	-9
4	Tài sản dở dang dài hạn	Tr.đ	333	11.904	-11.571	-97
5	Đầu tư tài chính dài hạn	Tr.đ	69.702	96.368	-26.666	-28
6	Tài sản dài hạn khác	Tr.đ	16	712	-696	-98
	Tổng Tài sản	Tr.đ	272.111	258.522	13.589	5
III	Nợ phải trả	Tr.đ	40.044	21.307	18.737	88
1	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	26.839	8.107	18.732	231
2	Nợ dài hạn	Tr.đ	13.205	13.200	5	0
IV	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	232.067	237.215	-5.148	-2
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	232.067	237.215	-5.148	-2
	- Vốn góp CSH	Tr.đ	230.000	230.000	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	Tr.đ	-11.366		-11.366	
	- LNST chưa phân phối	Tr.đ	13.433	7.215	6.218	86
	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	272.111	258.522	13.589	5

- Tổng tài sản tăng 5%, tương đương 13.589 triệu đồng. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 47.289 triệu đồng (166%), chủ yếu do khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng) tăng 47.300 triệu đồng.

+ Tài sản dài hạn giảm 33.700 triệu đồng (-15%). Trong đó, chủ yếu do tài sản dở dang dài hạn giảm 11.571 triệu đồng do Công ty đã kết chuyển chi phí dở dang hình thành TSCĐ, đầu tư tài chính dài hạn giảm 26.666 triệu đồng (Công ty giảm phần vốn góp vào đơn vị khác số tiền 18.219 triệu và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 8.447 triệu)

- Tổng nguồn vốn tăng 5%, tương đương 13.589 triệu đồng. Trong đó:

+ Nợ phải trả tăng 18.737 triệu (88%) chủ yếu tăng do nợ ngắn hạn. Trong đó khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 14.800 triệu đồng. Đây là khoản tiền vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

+ Vốn chủ sở hữu giảm 5.148 triệu (-2%), chủ yếu do phát sinh hoàn trả lại vốn cho các cổ đông bằng mua cổ phiếu quỹ số tiền 11.366 triệu.

1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện		Chênh lệch	
			Năm 2019	Năm 2018	+/-	%
I	Doanh thu	Tr.đ	255.239	280.030	-24.791	-9
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	236.003	271.917	-35.914	-13
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	18.648	4.452	14.196	319
3	Thu nhập khác	Tr.đ	588	3.661	-3.073	-84
II	Chi phí	Tr.đ	239.084	271.664	-32.580	-12
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đ	226.372	263.959	-37.587	-14
2	Chi phí bán hàng	Tr.đ	1.930	1.432	498	35
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	1.783	1.294	489	38
4	Chi phí tài chính	Tr.đ	8.862	4.253	4.609	108
5	Chi phí khác	Tr.đ	137	726	-589	-81
IV	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đ	16.155	8.366	7.789	93
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	5.918	5.232	686	13
2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tr.đ	9.786	199	9.587	4.818
3	Lợi nhuận khác	Tr.đ	451	2.935	-2.484	-85
V	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tr.đ	2.722	1.160	1.562	135
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	13.433	7.206	6.227	86

Nhận xét:

- Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 7.789 triệu, tương ứng 93% so năm 2018. Trong đó:

+ Hiệu quả từ hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng 686 triệu đồng (tương ứng 13%) so với năm 2018, trong đó chủ yếu từ hoạt động giặt ủi (chiếm 66% trên lợi nhuận hoạt động SXKD) và cho thuê nhà xưởng (chiếm 21% trên lợi nhuận hoạt động SXKD). Hoạt động thương mại chính chưa mang lại hiệu quả cao (chiếm 13% trên lợi nhuận hoạt động SXKD) trong khi doanh thu hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng cao (chiếm 82% trên tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

+ Hiệu quả từ hoạt động tài chính năm 2019 tăng 9.587 triệu đồng (tương ứng 4.818%) so với năm 2018, chủ yếu từ lãi chuyển nhượng cổ phần (13.165 triệu), lãi tiền gửi năm 2019 tăng so với năm 2018 là 867 triệu (56%), cổ tức, lợi nhuận được chia từ các dự án đầu tư tăng 163 triệu (6%), trong khi trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn của các dự án hoạt động không hiệu quả tăng 4.270 triệu (102%).

+ Lợi nhuận khác giảm 1.562 triệu (tương ứng giảm 85%) do năm 2018 Công ty nhận tiền đền bù bảo hiểm tổn thất do bão số 12 đối với mặt bằng cho XN May Khatoco thuê với số tiền được đền bù thêm là 3.555 triệu.

1.3. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn

TT	Tên dự án	Thời điểm đầu tư	Số vốn góp đến 31/12/2019		LNST năm 2019 của dự án (Tr.đ)	LN được chia nhận trong năm 2019 (Tr.đ)	Ghi chú
			Số tiền	% VDL			
A	Công ty con		25.260				
1	Công ty TNHH Việt Khánh Phú	08/2013	20.060	100	-2.869		Trích lập dự phòng đầu tư TCDH lũy kế đến 31/12/19: 3.927 triệu
2	Công ty TNHH DVTM Khánh An	02/2016	5.200	65	509	585	Cổ tức 2018 được chia
B	Công ty liên doanh, liên kết		37.834				
1	Công ty CP Đông Á	08/2012	5.034	22	12.410	370	Cổ tức 2018 được chia (10%)
2	Công ty CP Khánh Tâm	10/2014	32.800	20	-30.361		Trích lập dự phòng đầu tư TCDH lũy kế đến 31/12/19: 13.666 triệu
C	Đơn vị khác		24.201				
1	Công ty CP Khatoco Liberty	06/2013	14.643	14	-7.092	709	Cổ tức 2018 được chia
2	Công ty CP In Bao Bì KTC	11/2015	9.558	11,9	48.333	1.395	Cổ tức 2018 được chia (15%)
3	Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	09/2014				12.540	Lãi do chuyển nhượng ngày 17/7/2019 (Vốn góp 4.375 triệu)
4	Công ty CP Giấy Rạng Đông	11/2014				625	Lãi do chuyển nhượng ngày 29/7/2019 (Vốn góp 14.250 triệu)
	Cộng		87.295				

Trong năm 2019, Công ty đã hoàn nhập dự phòng Công ty CP Đầu tư Khánh Hà số tiền 294 triệu, trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 8.741 triệu đồng (Công ty CP Khánh Tâm: 6.072 triệu, Công ty TNHH Việt Khánh Phú: 2.669 triệu).

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư Khánh Hà và Công ty CP Giấy Rạng Đông với chênh lệch giá chuyển nhượng là 13.165 triệu đồng.

Tình hình đầu tư hoạt động tài chính chưa mang lại hiệu quả cao trên tổng số vốn góp vào các dự án (Cổ tức, lợi nhuận được chia: 3.059 triệu, chiếm 3,5% trên tổng số vốn góp). Nguyên nhân do hoạt động SXKD của một số đơn vị Việt Khánh Phú, Khánh Tâm bị lỗ nên không phân chia lãi. Bên cạnh một số đơn vị hoạt động không hiệu quả thì vẫn có các đơn vị sản xuất thương mại hoạt động ổn định qua các năm như: Công ty CP Đông Á, Công ty CP In Bao bì KTC...

2. Một số chỉ tiêu tài chính

TT	Chỉ tiêu	Công thức	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	Nhận xét
I	Cơ cấu tài sản					
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	TSNH/TTS	%	27,8	11,0	Tài sản của Công ty chủ yếu là TSDH
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	TSDH/TTS	%	72,2	89,0	
II	Cơ cấu nguồn vốn					
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	NPT/NV	%	14,7	8,2	Nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn CSH
2	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	VCSH/NV	%	85,3	91,8	
III	Chỉ tiêu thanh toán, hàng tồn kho					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	TSNH/NNH	Lần	2,8	3,5	Hệ số thanh toán của Công ty >1, Công ty luôn đảm bảo nguồn để đáp ứng thanh toán các khoản nợ đến hạn
2	Hệ số thanh toán nhanh	(TSNH-HTK)/NNH	Lần	2,7	3,4	
3	Hệ số vòng quay khoản phải thu	DT/KPT bq	Lần	36,9	28,4	Năm 2019, tốc độ thu hồi nợ của Công ty tốt hơn so với năm 2018.
4	Hệ số vòng quay khoản phải trả	((GVHB + HTK ck – HTK dk)/2)/NPT bq	Lần	3,7	4,8	Năm 2019, Công ty thực hiện các nghĩa vụ thanh toán nợ chậm hơn so với năm 2018, như vậy mức độ chiếm dụng vốn của NCC thấp hơn năm 2018.
5	Số ngày tồn kho	365/(DT/HTK bq)	Ngày	4,0	4,3	Năm 2019, Công ty bán hàng nhanh, thời gian hàng hóa lưu kho ngắn hơn năm 2018
IV	Chỉ tiêu hiệu quả					
6	Chỉ số ROA	LNST/TTS	%	4,9	2,8	Chỉ số ROA năm 2019 đạt 4,9%, cho thấy 100 đồng đầu tư vào tài sản mang lại 4,9 đồng lợi nhuận, cao hơn năm 2018.
7	Chỉ số ROE	LNST/VCSH	%	5,8	3,0	Chỉ số ROE năm 2019 đạt 5,8%, thấp hơn lãi suất trung bình ngắn hạn của ngân hàng

						TMCP. Điều này cho thấy Công ty sử dụng vốn chưa mang lại hiệu quả cao.
8	Chỉ số EPS	LNST/Số CP	đồng	584,0	313,3	Năm 2019, chỉ số EPS đạt 584 đồng/CP, cho thấy 1 cổ phần mang lại 584 đồng lợi nhuận, cao hơn so năm 2018.

Qua xem xét các chỉ số tài chính cho thấy tình hình hoạt động SXKD của năm 2019 khả quan hơn năm 2018, chủ yếu do hiệu quả từ hoạt động tài chính. Tuy nhiên, hiệu quả vẫn chưa cao so với nguồn lực tài chính của Công ty.

3. Một số kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Xây dựng chiến lược phát triển nhằm đẩy mạnh vị thế của hoạt động thương mại chính; nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng trong lĩnh vực thuốc lá, vận tải, giặt ủi. Đặc biệt, Công ty cần chú trọng tập trung khôi phục và từng bước phát triển hoạt động giặt ủi sau dịch Covid nhằm đáp ứng tình hình đầu tư hệ thống máy giặt ép sấy liên hoàn với chi phí đầu tư 11,9 tỷ đồng.

- Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý để đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho; tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, tích cực đôn đốc thu hồi nợ để thu hồi vốn, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát, tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa trong hoạt động SXKD và hoạt động đầu tư nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục quản trị hiệu quả nguồn vốn góp tại các Công ty, nắm bắt các cơ hội đầu tư, nhượng bán để bảo toàn và phát triển nguồn vốn tối ưu.

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư mở rộng có hiệu quả, đảm bảo tiến độ dự án, tuân thủ các quy định về lựa chọn đơn vị thi công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trên đây là nội dung kiểm tra giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2019 của Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

